

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 29-7-2022

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nông Hà Nam

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Như

Ông Ngôn Ngọc Viên

- Thư ký phiên toà: Ông Nông Hữu Duy - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà: Bà Triệu Thị Đào - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2022/TLPT-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2022 về việc "Ly hôn".

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 20/2022/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 49/2022/QĐ-PT ngày 04 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Bé Thị A, sinh năm 1992; nghề nghiệp: Trồng trọt. Địa chỉ: Xóm C, xã D, huyện E, tỉnh Cao Bằng.

Nơi cư trú hiện nay: G, xã H, huyện I, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt có lý do.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nông Văn K- Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cao

Bằng. Vắng mặt có lý do.

- *Bị đơn*: Anh Triệu Văn B, sinh năm 1991, nghề nghiệp: Trồng trọt.

Địa chỉ: Xóm C, xã D, huyện E, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

- *Cơ quan kháng nghị*: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn chị Bé Thị A trình bày: Chị tổ chức cưới theo tập quán với anh Triệu Văn B vào năm 2012, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện E, tỉnh Cao Bằng vào năm 2014, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc cho đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống nên hay cãi vã và anh B có biểu hiện sử dụng ma túy, khi nhắc nhở đã bị anh B đuổi ra khỏi nhà. Do đó, chị phải về sống tại nhà anh trai và ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay. Chị A xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn với anh B.

Về con chung: Có 01 con chung là Triệu Thị Khánh Thời, sinh ngày 10/10/2013, hiện con đang ở với anh B. Khi ly hôn, chị A cũng muốn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con nhưng do không có nơi ở và việc làm ổn định, hiện nay con đang học hành tại trường tiểu học xã D và có nguyện vọng được sống với bố, nên nhất trí để anh B được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Vì điều kiện kinh tế khó khăn, chị sẽ cố gắng cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000 đồng. Về tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/01/2022, bị đơn anh Triệu Văn B trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn, họ và tên con chung như chị A trình bày là đúng. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2018, do chị A có quan hệ ngoại tình, tự ý đã bỏ đi khỏi nhà và sống ly thân năm 2020, hiện nay đã có con riêng với người khác. Anh B xác định, tình cảm vợ chồng không còn, nên nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị A.

Về con chung: Khi ly hôn anh B yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và nhất trí với mức cấp dưỡng mà chị A đưa ra mỗi tháng là 500.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ngoài ra, anh B có ý kiến: Do hiện nay anh B đang đi làm công nhân tại Thái Nguyên, anh có nhận được thông báo về việc chị A xin ly hôn nhưng không thể có mặt để tiếp cận, công khai tài liệu, chứng cứ và hòa giải theo lịch của Tòa án. Sau khi đón tết Nguyên đán, anh sẽ trở lại công ty, có thể không tham dự được phiên tòa nên đề nghị được xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa: Chị A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện với yêu cầu được ly hôn, anh B là người trực tiếp chăm sóc con, chị sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 500.000 đồng, thời gian bắt đầu cấp dưỡng được tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật. Về tài sản chung, không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Nhất trí, đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, thấy rằng anh B và chị A đều nhất trí ly hôn, không có tranh chấp về việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con và không có tranh chấp về tài sản. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận những vấn đề mà các đương sự đã thỏa thuận được với nhau.

Tại bản án số 20/2022/HNGĐ-ST ngày 05/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng đã căn cứ Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố, xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bế Thị A. Ghi nhận việc anh B nhất trí ly hôn với chị A.

2. *Về con chung:* Cháu Triệu Thị Khánh Thời, sinh ngày 10/10/2013 là con chung của chị A và anh B, ghi nhận việc giao con chung cho anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Thời tròn 18 tuổi hoặc có Bản án (Quyết định) khác thay thế. Chị A có trách nhiệm sẽ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 500.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Không xem xét, giải quyết vì các đương sự không có yêu cầu.

4. *Về án phí:* Chị Bế Thị A phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hạ Lang.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các đương sự không kháng cáo; ngày 31/5/2022 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng có quyết định kháng nghị số 1148/QĐ-VKS-HNGĐ đối với bản án số 20/2022/HNGĐ-ST ngày 05/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng.

Tại phiên Tòa phúc thẩm.

Đại diện viện kiểm sát có ý kiến: Bản án sơ thẩm có thiếu sót trong việc áp dụng án phí cho chị Bế Thị A. Bản án sơ thẩm tuyên chị A chỉ phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình 300.000đ là không áp dụng đầy đủ các quy định của pháp luật. Bởi lẽ, Ngoài án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình thì chị A còn phải chịu 300.000đ tiền án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo như điểm a khoản 6, Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung nghị: Tòa án sơ thẩm có thiếu sót trong việc quy định án phí cho chị Bé Thị A, đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng.

Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn không kháng cáo bản án, Viện kiểm sát kháng nghị do đó nguyên đơn bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Bé Thị A có yêu cầu xin ly hôn với anh Triệu Văn B. Anh Triệu Văn B cư trú tại xã D, huyện E, tỉnh Cao Bằng. Do đó Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tính hợp pháp của quyết định kháng nghị:

Ngày 05/5/2022, Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng tuyên bản án sơ thẩm số 20/2022/HNGĐ-ST. Ngày 31/5/2022 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng có quyết định kháng nghị số 1148/QĐ-VKS-HNGĐ. Như vậy quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát trong thời hạn luật định, Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu kháng nghị và căn cứ kháng nghị.

Nội dung yêu cầu kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng cho rằng Bản án sơ thẩm tuyên chị A phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình 300.000đ là không áp dụng đầy đủ các quy định của pháp luật. Bởi lẽ, Ngoài án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình thì chị A còn phải chịu 300.000đ tiền án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo như điểm a khoản 6, Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm của

Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng.

Qua quá trình nghiên cứu hồ sơ, xem xét các quy định của luật, nghị quyết hướng dẫn, HĐXX phúc thẩm thấy rằng: Căn cứ tại điểm a khoản 6, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án có quy định như sau:

" Điều 27: Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm trong một số loại việc cụ thể.

6. Đối với vụ án liên quan đến nghĩa vụ cấp dưỡng thì nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm được xác định như sau:

a) Người có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ hoặc một lần theo quyết định của Tòa án phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như đối với trường hợp vụ án dân sự không có giá ngạch"

Đối chiếu với quy định nêu trên, bản bản án số: 20/2022/HNGĐ-ST, ngày 05/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng chỉ buộc chị Bé Thị A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) là không áp dụng đầy đủ quy định của pháp luật. Bởi lẽ ngoài việc phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chị A phải chịu 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Như vậy HĐXX xét thấy kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng là có căn cứ, cần phải sửa bản án án sơ thẩm về phần án phí.

[4] Những nội dung không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 điều 308, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 20/2022/HNGĐ-ST ngày 05/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, tỉnh Cao Bằng về phần án phí sơ thẩm.

Về án phí: Chị Bế Thị A phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng, tổng cộng là 600.000đ. Tuy nhiên được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002214 ngày 11/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hạ Lang. Do vậy chị A còn phải nộp 300.000đ sung công quỹ nhà nước.

Nguyên đơn, bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Những nội dung không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh CB;
- CCTHADS Hạ Lang;
- TAND Hạ Lang;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Hà Nam